TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 05 - 2023
V/v: "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Trương Hoài Khanh**

2. Bà Chung Kim Sang

Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Tuấn** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Không.

Ngày 08 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục chung vụ án thụ lý số 163/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2023, về việc "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1989 (Có mặt)

HKTT: Số 394A đường T, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 225/3, tổ 1, ấp 3, xã H, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Võ Trường X, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 394A đường T, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:*** Tôi và anh Võ Trường X do mai mối rồi tổ chức lễ cưới vào ngày 24/12/2010, đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 361 ngày 24/12/2018. Sau khi cưới vợ chồng sống tại Campuchia đến năm 2013 thì về sống tại số nhà 394A

đường T, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc thời gian sau khoảng năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhỏ, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên tôi dọn ra ngoài sinh sống và vợ chồng sống ly thân đến nay.

Lý do xin ly hôn: Do tính tình hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm; vợ chồng không cùng chung tiếng nói; anh X không quan tâm đến vợ con; thường xuyên uống rượu về kiế chuyện đánh tôi. Trong khoản thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm giữa tôi và anh X không còn yêu thương nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh X.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị B xác định vợ chồng chung sống có 03 người con chung tên Cao Văn S, sinh năm 2011; Cao Văn T, sinh năm 2013 và Võ Thị Như T1, ngày 02/04/2019. Chị B yêu cầu được nuôi người con tên T1, giao người con tên S và T cho anh X nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai cũng như đơn xin xét xử vắng mặt của anh Võ Trường X trình bày:***

Anh X và chị B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Quang ngày 24/12/2018. Trong quá trình chung sống anh X, chị B có 03 người con chung tên Cao Văn S, sinh năm 2011; Cao Văn T, sinh năm 2013 và Võ Thị Như T1, sinh ngày 02/04/2019. Trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hòa hợp, anh X và chị B đã có khoảng thời gian dài ly thân nhưng không hàn gắn được và anh X cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Võ Trường X xác định không có.

Tại phiên tòa,

Về hôn nhân: Chị B xác định không còn tình cảm yêu thương với anh X nữa và yêu cầu được ly hôn với anh X.

Về con chung, tài sản chung; nợ chung: Chị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn anh Võ Trường X và anh X là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ

luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Võ Trường X có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản tự khai trình bày ý kiến của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị B yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh X theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh X.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị B và anh Võ Trường X được xác lập trên cơ sở tự nguyện; Có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật đã được UBND phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 361, ngày 24/12/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh X, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị B và anh X không còn yêu thương, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Bởi lẻ, chị B và anh X xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhỏ đến đầu năm 2020 phát sinh mâu thuẫn gây gắt và sống ly thân đến nay. Nguyên nhân là do tính tình hai bên không hòa hợp trong cách sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cự cải nhau và anh X cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B được thể hiện tại bản tự khai cũng như đơn xin xét xử vắng mặt của anh X. Từ đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh X đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh X là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh X.

[5] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Võ Trường X xác định vợ chồng chung sống có 03 người con chung tên Cao Văn S, sinh ngày 08/03/2011; Cao Văn T, sinh ngày 10/06/2012 và Võ Thị Như T1, ngày 02/04/2019. Chị B yêu cầu được nuôi người con tên T1, giao người con tên S và T cho anh X nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai anh X cũng thống nhất theo yêu cầu của chị B. Xét thấy, để không làm thay đổi môi trường sinh sống cũng như sự phát triển tâm sinh lý của các cháu và theo ý kiến của anh X và chị B cũng như nguyện vọng của cháu S và T. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu S và T cho anh X nuôi dưỡng và giao cháu T1 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị B và X không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Võ Trường X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Võ Trường X.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B nuôi người con tên Võ Thị Như T1, ngày 02/04/2019, giao 02 người con tên Cao Văn S, sinh ngày 08/03/2011; Cao Văn T, sinh ngày 10/06/2012 cho anh Võ Trường X nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh X, chị B không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Trường X và chị Nguyễn Thị B có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Võ Trường X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị B phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, chị B được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007251 ngày 21/03/20123 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/05/2023), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Chi cục THA dân sự TP. G;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Thùy Linh